

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/DS-ST

Ngày: 27- 4- 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Đoàn Thanh Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị N sinh năm 1965; địa chỉ: ấp Kinh 9B, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:*

1. Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1970;

2. Anh Đoàn Văn H, sinh năm 1994;

3. Chị Đoàn Thị Thúy V, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: ấp Kinh 9, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Đoàn Thị N trình bày:* Bà với vợ chồng ông Đoàn Văn Đ, bà Trịnh Thị V là chỗ bà con nên bà có cho vợ chồng ông Đ, bà V vay tiền hai lần, cụ thể: Lần thứ nhất, vào ngày 20/3/2018 âm lịch, cho vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); Lần thứ hai, vào ngày 25/5/2018 âm lịch,

cho vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), tổng cộng cho vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và cả hai lần cho vay hai bên không thỏa thuận tính lãi. Khi vay, ông Đ bà V có viết biên nhận nợ cho bà.

Ngày 18/9/2021, bà Trịnh Thị V chết.

Ngày 20/11/2021, bà thừa ông Đ bà V ra Ban Lãnh đạo ấp Kinh 9, xã Bình Giang, huyện H, tỉnh Kiên Giang thì ông Đ thừa nhận còn nợ bà số tiền là 50.000.000 đồng và xin trả dần theo mùa lúa, mỗi mùa trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trả đến khi hết nợ. Tuy nhiên, từ sau khi viết cam kết trả nợ, ông Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà.

Do đó, tại đơn khởi kiện bà yêu cầu ông Đoàn Văn Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trịnh Thị V là anh Đoàn Văn H, Chị Đoàn Thị Thúy V (con ông Đ bà Vui) phải trả cho bà số tiền vay 50.000.000 đồng, bà không yêu tính lãi.

Ngày 09/3/2022, bà Nhan xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc anh H, Chị V phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Đ trả cho bà số tiền vay gốc 50.000.000 đồng, bà chỉ yêu cầu ông Đ có trách nhiệm trả số tiền trên.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đoàn Văn Đ, anh Đoàn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.*

*Bị đơn Chị Đoàn Thị Thúy V trình bày:* Chị lập gia đình hơn 10 năm và đã cất nhà ở riêng khoảng 05 năm nay nên việc cha mẹ chị Vay tiền bà Nhan bao nhiêu và đã trả như thế nào chị không biết. Nay bà Nhan yêu cầu chị liên đới trả số tiền 50.000.000 đồng chị không đồng ý vì không liên quan đến số tiền này. Bà V mất cũng không để lại tài sản gì cho chị, chỉ có ngôi nhà do cha mẹ chị tự tạo dựng và hiện nay cha chị đang sinh sống.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Đoàn Thị Nắng mặt và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đoàn Văn Đ, anh Đoàn Văn H và chị Đoàn Thị Thúy V đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt, do đó căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 227; khoản 1 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nhan khởi kiện yêu cầu ông Đ và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà V là anh H và chị V phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, ông Đ, anh H và Chị V có nơi cư trú tại

ấp Kinh 9, xã Bình Giang, huyện H, tỉnh Kiên Giang, do đó căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[3] Xét hợp đồng vay giữa bà Nhan với vợ chồng ông Đ, bà Vui, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào năm 2018, bà Nhan cho vợ chồng ông Đ, bà V vay tiền, hai bên không có thỏa thuận về thời hạn trả nợ và không thỏa thuận tính lãi. Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà Nhan với ông Đ, bà V là hợp đồng vay không có lãi và không có kỳ hạn trả nợ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nhan, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nhan cung cấp cho Tòa án 02 biên nhận nợ: Biên nhận ngày 20/3/2018 âm lịch, ông Đ thừa nhận và ký tên vay bà Nhan số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); Biên nhận ngày 25/5/2018 âm lịch, bà V thừa nhận và ký tên vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); đồng thời, bà Nhan cung cấp tờ cam kết ngày 20/12/2021 có chữ viết và chữ ký của ông Đ về việc ông Đ xin trả nợ dần cho bà Nhan mỗi mùa lúa 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 50.000.000 đồng. Tòa án đã thông báo cho ông Đ, anh H và Chị V được biết nội dung khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp nhưng ông Đ, anh H và Chị V không có ý kiến phản hồi, không có yêu cầu giám định chữ ký đối với các tài liệu, chứng cứ mà bà Nhan cung cấp, do đó căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên, có cơ sở xác định vào năm 2018 vợ chồng ông Đ, bà V có vay của bà Nhan tổng số tiền là 50.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận kỳ hạn trả nợ và không thỏa thuận tính lãi, đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, không vi phạm pháp luật. Vì vậy, khi bà Nhan yêu cầu ông Đ và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà V (mất ngày 18/9/2021) là anh H, Chị V (con ông Đ bà Vui) phải có nghĩa vụ trả lại số tiền gốc 50.000.000 đồng, tính từ ngày bà nộp đơn thưa và được tổ hòa giải ấp Kinh 9 hòa giải ngày 20/11/2021, là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên ngày 09/3/2022, bà Nhan xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc anh H, Chị V phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Đ trả số tiền vay, do đó căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nhan về việc yêu cầu anh H và Chị V phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Đ trả số tiền gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho bà.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng

dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đ phải chịu án phí đối với toàn bộ yêu cầu của bà Nhan được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 357, 429, 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1, khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đoàn Thị N về việc yêu cầu anh Đoàn Văn H và Chị Đoàn Thị Thúy V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nhan số tiền gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Đoàn Thị N về việc buộc ông Đoàn Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nhan số tiền gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Văn Đ phải chịu án phí có giá ngạch là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Trả lại cho Bà Đoàn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008142 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**